TOÀ ÁN NHÂNDÂN
HUYỆN L H
TỈNH VĨNH L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 70/2023/DS - ST
Ngày: 24/7/2023
"V/v trA chấp thừa kế QSDĐ,
Ca tài sản chung, trA chấp
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L H - TỈNH VĨNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trí Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần ThA Hiếu

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên toà: Bà Trần Mỹ Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện L H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L H: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L H, xét xử sơ thẩm công kH1 vụ án dân sự thụ lý số: **202**/2022/TLST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2022. Về việc "TrA chấp thừa kế quyền sử dung đất, **c**a tài sản chung và trA chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXX – ST ngày 01 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 96/QĐ-TA ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1933

Địa chỉ: ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phạm Hoài Duy T, sinh năm 1985; Địa chỉ liên hệ: số 39/5 khóm 5, thị trấn L H, huyện L H, tỉnh Vĩnh L . Theo giấy uỷ quyền ngày 20/6/2022 công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thị Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Phan ThA T1 - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh L

2. Bị đơn : **Võ Văn M**, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ **Võ Thị M1**, sinh năm: 1951 (Xin vắng)

Địa chỉ: 92/7 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.2/ **Võ Văn M2**, sinh năm: 1955 (Xin vắng)

Địa chỉ: 137/10 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.3/ **Võ Thị K**, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: 138B/10 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Khoẻ là bà Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện T Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy uỷ quyền ngày 29/9/2022)

3.4/ **Võ Văn Dữ A**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 126/9 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.5/ **Võ Văn V** sinh năm: 1960 (Xin vắng)

Địa chỉ: 162/13 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.6/ **Võ Văn B**, sinh năm: 1965 (Xin vắng)

Địa chỉ: 139/10 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.7/ **Võ Thị C**, sinh năm: 1968 (Xin vắng)

Địa chỉ: 137A/10 ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

3.8/ **Võ Thị M M1**, sinh năm: 1972 (Xin vắng)

Địa chỉ: 228/16 ấp An Thuận, xã An Bình, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoài Duy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 với ông Võ Văn H1 - sinh năm 1931 (chết năm 2020) là vợ cHng, kết hôn với nhau năm 1950, không có đăng ký kết hôn, ông bà chung sống có 9 người con chung có tên: Võ Thị M1, Võ Văn M2, Võ Thị K, Võ Văn Dữ A, Võ Văn V E, Võ Văn **B**, Võ Thị **C**, Võ Văn M và Võ Thị M **M1**. Ngoài ra không có con riêng, không có con nuôi. Vợ cHng bà H1 có tài sản chung là Quyền sử dụng đất thửa đất số 168, tờ bản đồ số 3, diện tích 559.5m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc: ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L được nhà nước cấp cho hộ Võ Văn H1. Năm 2019 ông H1 và bà H1 có cho con gái Võ Thị K **m1** nền nhà ngang 5m x dài 20m thuộc thửa đất 168 này (có lập Tờ di ngôn viết tay không có công chứng chứng thực theo quy định, nhưng được Ban nhân dân ấp An Lương A xác nhận ngày 22/02/2019); Võ Thị K đã xây dựng nhà ở kiên cố nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì ông H1 mất. Ông Võ Văn H1 mất không để lại di chúc, hiện thửa đất này bà H1 và con gái Võ Thị K quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng bà H1 muốn kH1 nhận thừa kế di sản của ông H1 để lại và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho Võ Thị K thì Võ Văn M không đồng ý. Chúng tôi không thể thương lượng giải quyết trA chấp được nên nhờ Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị H1 có các yêu cầu như sau:

- Công nhận cho bà Võ Thị K được quyền sử dụng diện tích khoảng 100m^2 theo tờ di ngôn của ông Võ Văn H1 thuộc **m1** phần thửa 168.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị H1 ½ diện tích còn lại của thửa 168 (sau khi trừ phần diện tích đã cho bà K).

- ½ còn lại của thửa 168 **c**a thừa kế theo pháp luật cho bà Nguyễn Thị H1 và 09 người con của ông Võ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H1. Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu giao cho ông Võ Văn M **m1** suất thừa kế bằng hiện vật. Các suất thừa kế còn lại bà H1 yêu cầu nhận toàn bộ hiện vật và hoàn trả giá trị bằng tiền. Về giá đất bà H1 yêu cầu lấy theo giá nhà nước quy định để hoàn trả giá trị cho các suất thừa kế khác.

Bị đơn ông Võ Văn M trình bày:

Ông Võ Văn M cho rằng đây là phần đất hương quả của gia đình ông, do cha ông là ông Võ Văn H1 tự tạo lập, lúc ông sinh ra thì gia đình đã có phần đất này rồi. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị H1 đã có phần riêng rồi. Trước khi cha ông mất có nói đây là đất hương quả và không đồng ý cho riêng ai. Ông M thừa nhận lúc ông H1 còn sống có nói miệng cho bà Khoẻ phần đất 5m x 20m thuộc thửa 168. Ông H1 mất không để lại di chúc. Ông M không có ý kiến về kết quả đo đạc vì ông không có tham dự lúc toà án đến khảo sát. Ông M đồng ý yêu cầu của bà Khoẻ là giao cho bà Khoẻ căn nhà gắn liền thửa đất 168 diện tích ngang 5m x dài 20m theo di ngôn của ông Võ Văn H1 lúc còn sống. (Sau đo đạc diện tích là 121m^2 ông M đồng ý giao cho bà Khoẻ phần diện tích này). Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị thực hiện theo ý nguyện cha ông lúc còn sống. Ông M yêu cầu giao toàn bộ di sản của ông H1 cho ông quản lý sử dụng để ông lo việc thờ cúng ông bà tổ tiên (Sau khi trừ 121m^2 đã giao cho bà K).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị Khoẻ: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1. Lúc bà Khoẻ được sinh ra thì gia đình đã có phần đất này rồi. Bà Khoẻ yêu cầu Toà án công nhận cho bà được hưởng căn nhà gắn liền 100m^2 đất mà trước đây ông Võ Văn H1 đã lập di ngôn cho bà. Nhưng diện tích đo thực tế sau khi Toà án đo đạc là 121m^2 nên bà Khoẻ yêu cầu được nhận theo diện tích đo thực tế là 121m^2 thuộc thửa đất số 168. Bà Khoẻ đồng ý giao thửa đất số 168, tờ bản đồ số 3, diện tích còn lại sau khi nhận phần của bà và trừ ra phần của ông M cho bà H1 quản lý sử dụng. Đối với phần thừa kế của mình, bà Khoẻ nhận và giao lại cho bà H1 quản lý sử dụng.

Ông Võ Văn M2 trình bày: Nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 tôi thống nhất. Tôi đồng ý giao cho bà Võ Thị Khoẻ phần đất diện tích 100m^2 gắn liền căn nhà cấp 4. Tôi đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị H1 ½ diện tích đất sau khi trừ đi 100m^2 của bà Võ Thị Khoẻ. Phần còn lại ½ diện tích đất thì **c**a đều cho hàng thừa kế gồm 10 phần. Tôi đồng ý nhận 01 phần của tôi và tôi giao lại

cho mẹ tôi bà Nguyễn Thị H1 quản lý sử dụng, Tôi đề nghị không tiến hành đo đạc, định giá phần tài sản này.

Bà Võ Thị **C**, Ông Võ Văn **B** và bà Võ Thị M **M1** trình bày: Nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 chúng tôi thống nhất. Chúng tôi đồng ý giao cho bà Võ Thị Khoẻ phần đất diện tích 100m^2 gắn liền căn nhà cấp 4. Chúng tôi đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị H1 ½ diện tích đất sau khi trừ đi 100m^2 của bà Võ Thị Khoẻ. Phần còn lại ½ diện tích đất thì **c**a đều cho hàng thừa kế gồm 10 phần. Chúng tôi đồng ý nhận 01 phần của chúng tôi và chúng tôi đồng ý giao lại cho mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị H1 quản lý sử dụng, chúng tôi đề nghị không tiến hành đo đạc, định giá phần tài sản này.

Ông Võ Văn M2, Võ Văn **B**, Võ Thị **C**, Võ Thị M **M1** đề nghị toà án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt, vì chúng tôi bận đi làm ăn, không có điều kiện đi lại. Chúng tôi xin đề nghị Toà án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chúng tôi cho đến khi nào có bản án quyết định của Toà án, có hiệu lực pháp luật.

Tại bản kH1 ý kiến ngày 10/11/2022 bà Võ Thị M1 trình bày: Tôi không trA chấp thừa kế, phần tôi nhận thừa kế tôi giao cho bà Nguyễn Thị H1 là mẹ tôi quản lý sử dụng và đứng tên. Tôi đồng ý để mẹ tôi cho bà Võ Thị K và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản kH1 ý kiến ngày 10/11/2022 ông Võ Văn V E trình bày: Tôi không trA chấp thừa kế phần tôi được nhận thừa kế tôi giao cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị H1 quản lý sử dụng và đứng tên. Tôi thống nhất việc mẹ tôi sang tên cho chị Võ Thị K phần nền nhà và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà trình bày:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng theo quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đúng theo qui định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 129, 457, 459, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 100, 167, 188 Luật đất đai năm 2013. Điểm đ, khoản 1 Điều 12, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật người cao tuổi.

Chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị H1 đối với yêu cầu **c**a tài sản chung và **c**a thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 168, tờ bản đồ số 3, diện tích 559.5m^2,

loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc: ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

Ca tài sản chung và **c**a thừa kế cho cụ Nguyễn Thị H1 phần đất thuộc thửa số 168-1 có diện tích 347,6m^2 (có 200m^2 đất ở);

Chấp nhận yêu cầu của bà K: công nhận cho bà K được quyền sử dụng phần đất và căn nhà gắn liền trên thửa đất số 168-2 diện tích 121m^2 (có 100m^2 đất ở);

Ca thừa kế cho ông M được hưởng phần đất thửa số 168-3 diện tích là 90,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

Tạm giao cho cụ Nguyễn Thị H1 quản lý phần di sản thừa kế mà ông Dữ A được hưởng là 5.043.000 đồng.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L. (Kèm trích đo)

Cụ H1, bà K, ông M có quyền và nghĩa vụ đi kê kH1 đăng ký đối với các phần đất được công nhận theo quy định của pháp luật .

*Về **c** phí tố tụng:* Áp dụng Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Cụ Nguyễn Thị H1 và bà Võ Thị K mỗi người phải chịu **c** phí xe xét thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá với số tiền 1.375.000 đồng

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Cụ Nguyễn Thị H1 . Ông M phải chịu 323.000 đồng, bà K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] ***Về tố tụng:***

Đây là vụ án trA chấp thừa kế tài sản; TrA chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và **c**a tài sản chung của vợ, cHng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự gồm: ông **B**, ông M2, bà **C**, bà M1, bà M **M1**, ông V E đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Võ Văn Dữ A và Võ Văn M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đối với yêu cầu của ông Võ Văn M yêu cầu giao toàn bộ phần đất thửa 168 tọa lạc tại ấp An Lương A, xã L An, huyện L H (sau khi trừ đi 121m^2 đất cho bà K) cho ông thờ cúng ông bà. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông M làm đơn và nộp tạm ứng án phí nhưng ông M không thực hiện. Hội đồng xét xử không xe xét yêu cầu này của ông M cùng vụ án.

[2]Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Diện tích đất 559,5m^2 tờ bản đồ số 3 thửa số 168 tọa lạc ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn H1. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H1, ông Võ Văn M2, bà Võ Thị M1, ông Võ Văn V E, ông Võ Văn **B**, bà Võ Thị **C**, bà Võ Thị M **M1**, bà Võ Thị K đều xác định phần đất này là của ông Võ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H1 có rất lâu đời. Tại biên bản ghi lời kH1 ngày 27/02/2023 ông Võ Văn M có trình bày: đất này là của ông Võ Văn H1 do ông bà để lại. Khi ông H1 còn sống cũng đã **c**a cho bà H1 **m1** phần và bà H1 đã bán nên phần đất còn lại là của riêng ông H1. Qua lời trình bày của các đương sự cho thấy: phần đất trA chấp là tài sản của ông Võ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H1 không thuộc trường hợp đất giao cho Hộ gia đình. Ông Võ Văn H1 và bà Võ Thị H1 chung sống như vợ cHng trước năm 1987 là hôn nhân thực tế. Luật Hôn nhân và gia đình 1959 không quy định tài sản riêng của vợ cHng. Do đó, bà H1 yêu cầu công nhận cho bà quyền sử dụng đất ½ diện tích đất thửa 168 là có căn cứ .

Khi ông Võ Văn H1 còn sống ông H1 và bà H1 cùng tất cả các con đã có sự thống nhất cho bà Võ Thị K 01 diện tích làm nền nhà khoảng 100m^2 (qua khảo sát đo đạc diện tích 121m^2) bà K đã xây nhà ở, hiện tại các đương sự không trA chấp và đồng ý giao cho bà Võ Thị K được quyền sử dụng đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Đối với ông Võ Văn Dữ A không tham gia và cũng không có văn bản ý kiến của mình, nhưng tại tờ di ngôn của ông Võ Văn H1 đề ngày 22/2/2019 có chính quyền địa phương xác nhận có nội dung ông Võ Văn H1 và và tất cả các con đều đồng ý ký tên (có cả chữ ký của ông Võ Văn Dữ A) cho bà Võ Thị K diện tích làm nền nhà, cho thấy yêu cầu độc lập của bà Võ Thị K là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy diện tích thửa 168 của ông Võ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H1 còn lại là 438,5m^2. Ông Võ Văn H1 qua đời ngày 04/9/2020 nên 50% diện tích trên tương đương với 219,25m^2 là di sản của ông Võ Văn H1. Ông H1 qua đời không để lại di chúc nên phần đất trên sẽ **c**a đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn H1 gồm bà Nguyễn Thị H1 và 09 người con, tương đương với 1 suất thừa kế là 21,925m^2

Tại buổi đo đạc thực tế phần đất trA chấp ông Võ Văn M không tham gia. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H1 đồng ý giao toàn bộ diện tích 90,9m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất cho ông Võ Văn M, diện tích phần đất này hiện tại là lối đi vào nhà của ông Võ Văn M và gần gấp 5 lần mỗi suất thừa kế đây là sự tự nguyện của các con bà H1 và bà H1 và cũng có lợi cho phía bị đơn ông Võ Văn M nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Qua khảo sát thực tế diện tích đất còn lại hiện nay là căn nhà của bà Nguyễn Thị H1 và các công trình phụ nên không thể **c**a thừa kế bằng hiện vật. Mặt khác

mỗi suất thừa kế có diện tích đất nhỏ. Do đó, phần thừa kế của ông Võ Văn Dữ A sẽ được **c**a bằng giá trị. Do ông Dữ A chưa có yêu cầu nhận di sản nên suất thừa kế của ông Dữ A sẽ tạm giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý. Suất thừa kế của ông Võ Văn Dữ A tính như sau: 21,925m^2 x 230.000đ/1m^2 = 5.043.000đ (Năm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ giao số tiền này cho ông Võ Văn Dữ A khi ông Dữ A có yêu cầu.

Theo kết quả đo đạc phần đất thể hiện thửa 168-1 có 200m^2 đất ở. Thửa 168-2 có 100m^2 đất ở. Như vậy, phần đất công nhận cho bà Nguyễn Thị H1 ở thửa 168-1 diện tích 347,6m^2 có 200m^2 đất ở và 147,6m^2 là đất trồng cây lâu năm. Phần đất thửa 168-2 cho bà Võ Thị K là 121m^2 trong đó có 100m^2 đất ở và 21m^2 đất trồng cây lâu năm. Phần đất **c**a cho ông Võ Văn M ở thửa 168-3 có 90,9m^2 là đất trồng cây lâu năm.

[2.2] Về **c** phí tố tung: **C** phí đo đạc và xe xét thẩm định là 2.750.000đồng. Tại phiên tòa, ông T là người đại diện cho bà H1, bà Ánh là người đại diện cho bà K tự thỏa thuận đồng ý chịu toàn bộ **c** phí này và đã nộp xong, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 là người thuộc diện hộ nghèo và cũng là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Võ Thị K đã trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí nên cũng được miễn án phí. Tuy nhiên, bà Ánh là người đại diện cho bà K tự nguyện nộp án phí cho yêu cầu độc lập nên bà K phải chịu án phí phần này là 300.000đ. Ông Võ Văn M được **c**a thừa kế 90,9m^2 đất nên ông M phải chịu án phí và án phí được tính như sau 90,9m^2 x 71.000đ x 5% = 323.000đồng.

[2.4] Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 157 ; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 129; Điều 457; Điều 612; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 33; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 166; Điều 167; Điều 170; Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Công nhận cho bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 347,6m^2 (Trong đó có 200m^2 đất ở và 147,6m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc tách thửa 168-1, tờ bản đồ số 3 loại đất thổ - vườn. Đất tọa lạc ấp An Lương A,

xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/4/2023 của **c** nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện L H).

2. **C**a thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn M: ông Võ Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 90,9m^2 thuộc tách thửa 168-3 tờ bản đồ số 3, loại đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/4/2023 của chính nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện L H).

3. Tạm giao suất thừa kế phần đất diện tích 21,925m^2 có giá trị bằng 5.043.000đồng của ông Võ Văn Dữ A cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị K: Công nhận cho bà Võ Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 121m^2 (Trong đó có 100m^2 đất ở và 21m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc tách thửa 168-2 tờ bản đồ số 3, loại đất thổ - vườn. Đất tọa lạc ấp An Lương A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/4/2023 của **c** nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện L H).

Bà Võ Thị H1, ông Võ Văn M và bà Võ Thị K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê kH1 đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về **c** phí tố tụng: Bà Võ Thị K và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 2.750.000đồng **c** phí định giá, xe xét thẩm định và **c** phí đo đạc và đã nộp xong.

4. *Về án phí:* Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H1. Buộc bà Võ Thị K nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Võ Văn M nộp 323.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công kH1, đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Những đương sự đã được thông báo ngày giờ tuyên án nhưng không tham dự, thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh;
- VKSND L H;
- THADS L H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường